

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nghiên cứu xây dựng đề án về gói hỗ trợ Covid-19 thứ hai, và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng mạnh, tương đồng với TTCK khu vực

[Thông tin doanh nghiệp]

BID, HVN

[Cập nhật công ty]

VIC

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể gia tăng 1 phần tỷ trọng ngắn hạn trở lại trong các nhịp rung lắc điều chỉnh của thị trường

03/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,111.29	+3.32
VN30	1,117.98	+3.55
HĐTL VN30F1M	1,124.90	+3.01
HNXIndex	223.62	+3.84
HNX30	329.40	+5.55
UPCoM	73.30	+2.29
USD/VND	23,107	+0.35
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.26	-0
Lãi suất qua đêm (%)	2.15	+159
Dầu (WTI, \$)	55.07	+0.57
Vàng (LME, \$)	1,836.05	-0.11



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,111.29 (+3.32%)
KLGD (triệu CP) 636.0 (+21.1%)
GTGD (triệu US\$) 687.5 (+20.3%)

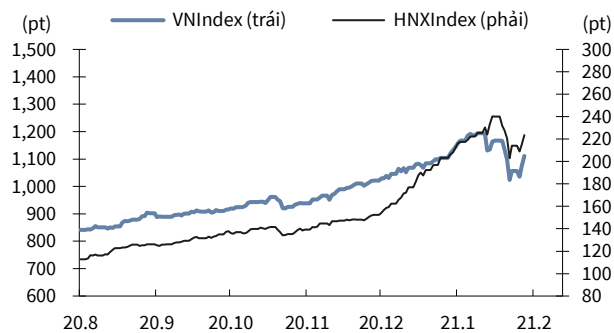
HNXIndex 223.62 (+3.84%)
KLGD (triệu CP) 117.2 (+12.4%)
GTGD (triệu US\$) 69.8 (+15.6%)

UPCoM 73.30 (+2.29%)
KLGD (triệu CP) 40.2 (+3.4%)
GTGD (triệu US\$) 22.8 (+44.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +50.6

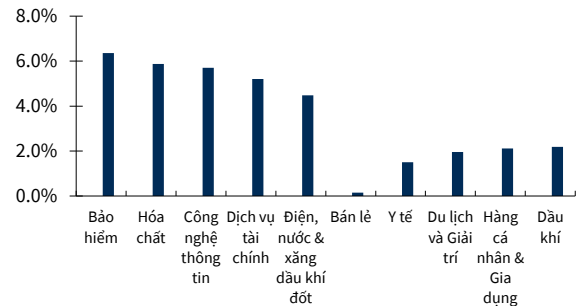
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nghiên cứu xây dựng đề án về gói hỗ trợ Covid-19 thứ hai, và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Thông tin trên tác động tích cực đến nhóm cổ phiếu ngân hàng như VPB (+6.9%), BID (+5.1%), MBB (+3.9%); nhóm nguyên vật liệu HPG (+3.7%), HT1 (+3.7%). Theo Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 1/2021 ước đạt 27.7 tỷ USD, tăng 50.5% so với cùng kỳ mặc dù dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới, trong đó xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng 48.4% giúp cổ phiếu nhóm gỗ tăng giá TTF (+5.1%), PTB (+0.8%). Cổ phiếu ngành hàng không tăng giá HVN (+3.4%), VJC (+1.0%) sau khi Cục Hàng không Việt Nam khẳng định không đóng cửa sân bay Nội Bài. Khối ngoại có phiên mua ròng liên tiếp, tập trung ở FUEVFVND (+2.1%), MSN (+5.8%), VIC (+1.5%).

VNIndex & HNXIndex



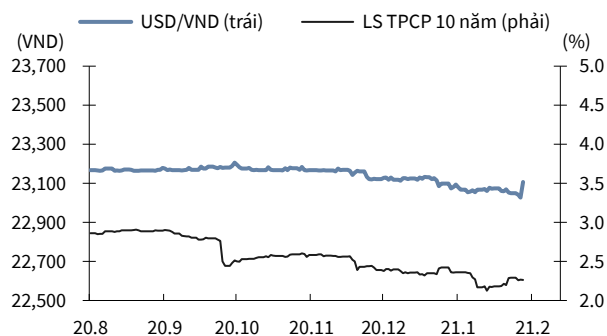
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



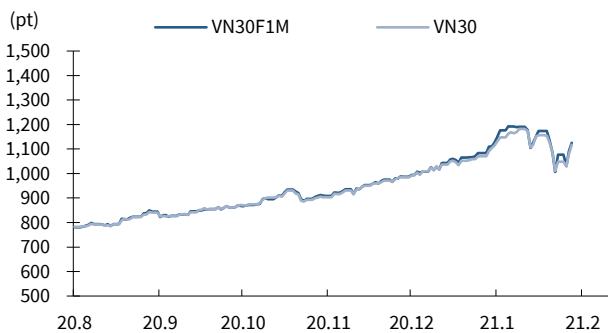
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,117.98 (+3.55%)
VN30F1M	1,124.9 (+3.01%)
Mở cửa	1,100.2
Cao nhất	1,143.0
Thấp nhất	1,097.0
KLGD (HĐ)	212,678 (-11.3%)

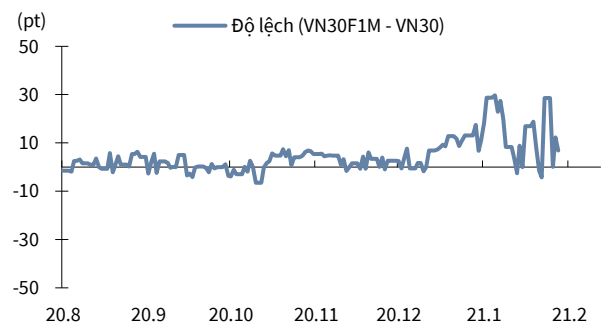
Các HĐTL đồng loạt tăng mạnh, tương đồng với TTCK khu vực trước kỳ vọng về gói kích thích kinh tế lớn trị giá 1,900 tỷ USD của Mỹ sẽ sớm được thông qua. Chênh lệch giữa F2102 và VN30 Index mở cửa ở mức 12.3 điểm cơ bản và giao dịch chủ yếu trong biên độ 9 đến 15 điểm cơ bản. Chênh lệch đóng cửa cuối phiên giảm xuống 6.9 điểm khi nhà đầu tư cover vị thế Long trong phiên. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng ở F2102. Thanh khoản thị trường ở mức cao.

HĐTL VN30F1M & VN30



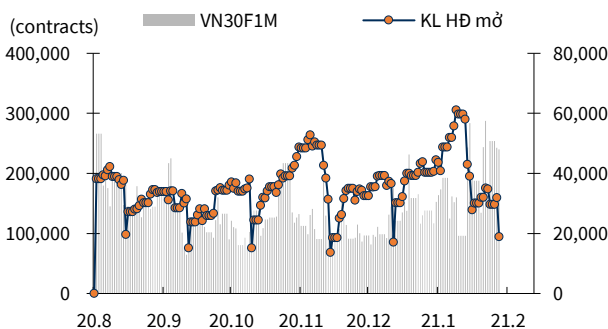
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



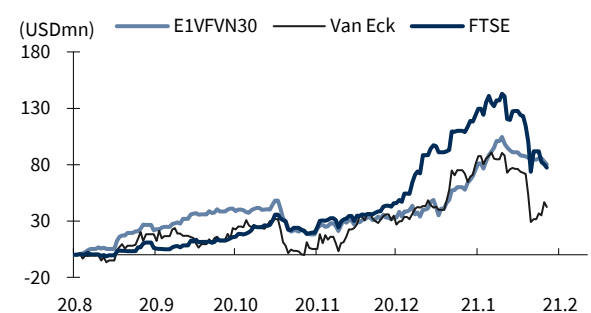
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

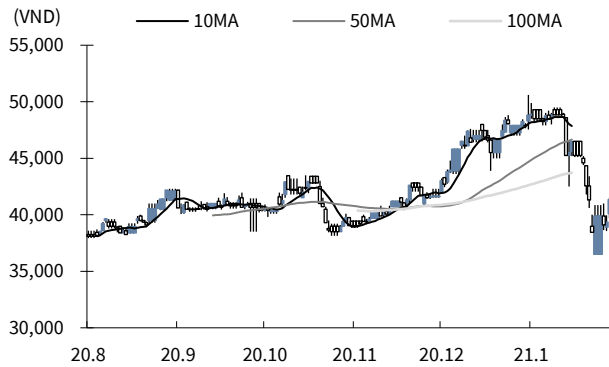
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

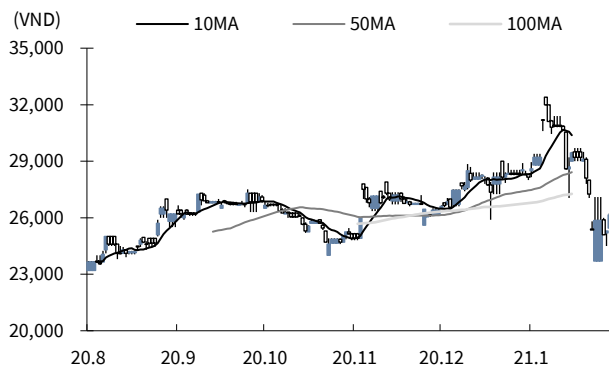
Ngân hàng BIDV (BID)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BID tăng 5.1% lên 41,350 VNĐ/cp.
- BID công bố kết quả kinh doanh quý 4/2020 với lợi nhuận đạt 1,696 tỷ đồng (-42% YoY), trích lập dự phòng tăng vọt đến 93% khi chiếm 7,006 tỷ đồng. Năm 2020, BIDV ghi nhận lợi nhuận 7,363 tỷ đồng (-14% YoY), tăng trưởng tín dụng ở mức 9%.

Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN tăng 3.4% lên 26,150 VNĐ/cp.
- HVN công bố BCTC quý 4/2020 với lợi nhuận sau thuế -422 tỷ đồng, giảm 446 tỷ do với cùng kỳ và doanh thu 8,202 tỷ đồng (-64.5% YoY). Trong đó doanh thu hành khách nội địa giảm mạnh 95%, khách nội địa giảm 16% và doanh thu thuê chuyển giảm 70%. Mức độ giảm doanh thu cao hơn mức độ giảm chi phí khiến lợi nhuận sau thuế giảm mạnh.

Vingroup (VIC)

KQKD 2020 suy giảm do hoạt động sản xuất công nghiệp

Vingroup đã công bố KQKD quý 4 và cả năm 2020 với doanh thu 2020 đạt gần 110.5 nghìn tỷ đồng (-15%yoy), LNST đạt hơn 5.1 nghìn tỷ (-32% yoy), chủ yếu do 2020 là năm đầu tiên Vingroup ghi nhận đầy đủ KQKD cả năm của mảng sản xuất công nghiệp.

Mảng BĐS vẫn duy trì đà tăng trưởng và là động lực chính của Tập đoàn

- Năm 2020, lĩnh vực Bất động sản bán của Vingroup ghi nhận doanh số 28,200 căn, bàn giao 54,100 căn. Doanh thu bán BĐS (bao gồm bán buôn, hợp đồng BCC) và LNST của riêng Vinhomes (VHM) năm 2020 đạt lần lượt 93.9 nghìn tỷ đồng (+44%yoy) và 27.8 nghìn tỷ đồng (+31%yoy). Doanh số bán chưa ghi nhận của VHM tại cuối năm 2020 đạt 64.1 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2021, VHM phấn đấu đạt doanh số bán hàng 91 nghìn tỷ (+15% yoy), đến từ ba đại dự án hiện tại và các dự án mới như Vinhomes Dream City, Vinhomes Wonder Park, Vinhomes Cổ Loa.
- Đối với mảng bất động sản khu công nghiệp, VHM dự kiến phát triển 3 KCN với diện tích khoảng 350ha trong 3 năm tới, trong đó có 2 KCN tại Hải Phòng. Trong 2021, VHM sẽ nhận chuyển nhượng theo giá trị sổ sách một số diện tích KCN từ VinFast với giá trị khoảng 18-19 nghìn tỷ. Trong các năm sau, capex hàng năm cho mảng KCN dự kiến khoảng 4-5 nghìn tỷ đồng.
- Với Vincom Retail, doanh thu 2020 đạt 8.3 nghìn tỷ đồng, -10%yoy; LNST đạt gần 2.4 nghìn tỷ đồng, -16%yoy. Tỷ lệ lấp đầy đạt 84.4%, giảm 5.4 điểm phần trăm so với 2019. Tuy nhiên kết quả kinh doanh bắt đầu có sự hồi phục tốt từ Q3.2020. Năm 2021, VRE dự kiến mở mới 5 TTTM với diện tích sàn GFA tăng thêm 150,000 sqm (+9%yoy)

Mảng sản xuất và công nghệ đạt được một số thành tựu

- Doanh thu mảng sản xuất đạt 18 nghìn tỷ đồng (+96%yoy), trong đó 95% đến từ VinFast, 5% đến từ VinSmart. Các mẫu xe của VinFast đều đứng đầu về thị phần trong phân khúc. Trong khi đó VinSmart hiện đang nằm trong top 3 thị phần điện thoại tại Việt Nam. Lỗ trước thuế mảng sản xuất khoảng gần 14 nghìn tỷ đồng (+40%yoy).
- Biên lợi nhuận gộp của VinFast đang được cải thiện nhờ các biện pháp tối ưu hóa chi phí, và sản lượng tăng hơn 30% so với kế hoạch điều chỉnh giữa năm. VinFast đặt ra kế hoạch bán hàng 2021 với hơn 40.000 ô tô (+27%yoy) và hơn 120.000 xe máy điện (+164% yoy).
- Lũy kế hết 2020, tổng đầu tư capex của VinFast đạt gần 3.8 tỷ USD, trong năm 2021, VinFast tiếp tục đầu tư capex khoảng 500 triệu USD cho ba mẫu xe chạy điện, dự kiến ra mắt vào thời điểm cuối năm.
- Công ty công nghệ One Mount Group hiện đang phát triển 3 nền tảng ứng dụng: VinID, Vinshop và One Housing. Trong đó ứng dụng hỗ trợ các tiệm tạp hóa Vinshop sau chỉ vài tháng ra mắt hiện đã phủ sóng tất cả các quận tại Hà Nội và 23/24 quận tại Tp.HCM với hơn 55.000 tiệm tạp hóa gia nhập mạng lưới đối tác.

Các mảng hoạt động khác

- Mảng du lịch nghỉ dưỡng đạt doanh thu gần 4900 tỷ (-42% yoy), lỗ gần 9000 tỷ. Vinpearl đã thực hiện nhiều chính sách kích cầu du lịch trong nửa cuối 2020 và đạt một số kết quả khả quan với số đêm phòng bán tăng trưởng mạnh 93% qoq trong quý 3 và 5% qoq trong quý 4. Trong quý 4/2020, thị trường Phú Quốc đạt doanh thu 351 tỷ (+16% qoq).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tạo khoảng trống tăng điểm ngay từ đầu phiên và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Mặc dù đã tiếp cận sát cận trên của vùng kháng cự quanh 1105 (+10) nhưng tín hiệu mở gap tăng ngày hôm nay đang ủng hộ cho khả năng vượt cản của chỉ số. Với diễn biến mới này, vùng cản kế tiếp được đẩy lên quanh 1150-1155.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể gia tăng 1 phần tỷ trọng ngắn hạn trở lại trong các nhịp rung lắc điều chỉnh của thị trường.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1157 - 1162

Kháng cự gần: 1149 - 1152

Hỗ trợ gần: 1110 - 1116

Hỗ trợ xa: 1091 - 1097

- F1 tiếp nối xu hướng hồi phục với diễn biến tăng điểm khá tích cực trong phiên trước khi vấp phải nhịp chùng vào cuối phiên.
- Sau nhịp đi lên khá dốc, tín hiệu điều chỉnh về cuối phiên cho thấy áp lực tiềm ẩn của lượng cung giá cao. Tuy nhiên, sau khi vượt vùng cản gần quanh 1100, cơ hội tiếp tục đà tăng đang được đánh giá cao hơn cho chỉ số với vùng cản kế tiếp được đẩy lên quanh 1150-1160.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế LONG nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

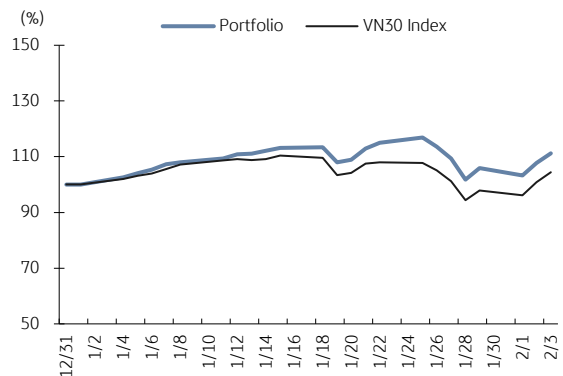
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	3.55%	3.18%
Tăng lũy kế (YTD)	4.41%	11.20%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	127,500	-0.4%	10.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	32,500	1.4%	32.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,900	1.7%	8.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	24,250	3.9%	42.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,000	0.9%	58.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	70,000	6.1%	109.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,900	2.9%	43.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	80,000	4.6%	9.0%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	42,000	3.7%	114.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	39,250	6.9%	186.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	2.1%	99.3%	431.0
MSN	5.8%	32.1%	425.7
VIC	1.5%	14.0%	396.6
HPG	3.7%	31.1%	155.2
VHM	3.0%	22.2%	153.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
POW	6.9%	8.5%	-65.4
HSG	4.6%	11.4%	-49.2
CTG	3.0%	28.7%	-48.5
HCM	6.6%	49.0%	-47.3
STB	5.0%	9.9%	-39.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	3.9%	6.3%	0.9
SHB	5.4%	5.4%	0.6
GKM	1.6%	0.2%	0.6
TNG	9.7%	3.7%	0.4
SHS	9.3%	9.2%	-1.7

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TIG	9.2%	14.3%	-1.0
PLC	4.3%	2.2%	-0.9
BVS	9.8%	14.1%	-0.9
LHC	1.8%	22.0%	-0.6
MBS	9.9%	0.1%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	7.3%	FPT, ST8
Tài nguyên Cơ bản	3.2%	HPG, DHC
Ngân hàng	3.0%	CTG, VCB
Bất động sản	2.9%	VIC, VHM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%	GAS, PMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-8.7%	PHR, DCM
Truyền thông	-7.1%	YEG, PNC
Bán lẻ	-3.8%	MWG, FRT
Dịch vụ tài chính	-2.6%	FIT, OGC
Ô tô và phụ tùng	-2.2%	TCH, DRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	10.5%	FPT, SGT
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.7%	TCM, PNJ
Ô tô và phụ tùng	5.4%	TCH, DRC
Bất động sản	3.7%	NVL, BCM
Bán lẻ	3.4%	MWG, ABS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-12.9%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-12.4%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	-11.9%	SSI, VCI
Hóa chất	-10.6%	DPM, PHR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-9.5%	POW, PPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	107,500	363,611 (15,736)	140,414 (6.1)	22.7	44.1	31.1	11.1	8.5	11.0	3.4	3.1	1.5	7.5	-0.6	-0.6
	VHM	VINHOMES JSC	97,200	319,741 (13,837)	289,626 (12.6)	26.8	10.1	8.7	37.1	30.8	28.2	2.8	2.2	3.0	3.5	8.6	8.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,100	75,214 (3,255)	262,948 (11.4)	17.4	24.0	18.2	-7.6	10.6	12.3	2.5	2.3	3.6	-3.9	5.4	5.4
	NVL	NO VA LAND INVES	83,000	88,308 (3,822)	356,928 (15.5)	31.1	20.6	17.5	6.4	13.5	13.7	2.7	2.3	3.1	2.2	27.2	27.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,650	17,686 (765)	49,984 (2.2)	11.3	14.1	9.4	17.7	15.1	20.1	2.0	1.7	3.6	-7.6	8.0	8.0
	DXG	DAT XANH GROUP	20,850	10,806 (468)	204,669 (8.9)	13.6	9.9	7.0	-	15.2	18.2	1.4	1.1	6.9	-0.7	30.7	30.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	98,900	366,808 (15,874)	115,578 (5.0)	6.3	18.4	14.6	17.8	19.3	20.7	3.2	2.7	2.5	1.5	1.0	1.0
	BID	BANK FOR INVESTM	41,350	166,310 (7,197)	96,112 (4.2)	12.7	17.8	11.8	4.9	12.2	15.4	1.9	1.7	5.1	0.1	13.7	-13.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,000	122,672 (5,309)	595,961 (25.8)	0.0	9.5	8.1	14.4	16.4	16.2	1.4	1.2	2.9	4.5	11.1	11.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,900	129,947 (5,624)	377,550 (16.4)	1.3	10.0	7.7	61.0	14.8	15.8	1.4	1.2	2.9	7.1	1.0	1.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	35,450	87,021 (3,766)	208,865 (9.1)	0.0	8.1	7.3	18.8	18.5	17.2	1.4	1.2	6.9	11.3	9.1	9.1
	MBB	MILITARY COMMERC	24,250	67,870 (2,937)	509,982 (22.1)	0.0	7.1	6.0	14.6	18.7	19.0	1.2	1.0	3.9	1.0	6.4	6.4
	HDB	HDBANK	24,000	38,250 (1,655)	139,225 (6.0)	4.0	7.2	6.2	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	3.4	3.0	1.1	1.1
	STB	SACOMBANK	18,000	32,466 (1,405)	642,912 (27.9)	13.8	14.5	10.9	32.4	8.4	9.9	1.1	1.0	5.0	4.3	6.5	6.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	26,800	27,648 (1,197)	93,924 (4.1)	0.0	7.6	6.4	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	5.9	6.8	0.0	0.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,900	22,007 (952)	17,808 (0.8)	0.0	29.5	23.3	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	2.3	1.1	-7.0	-7.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	58,500	43,426 (1,879)	69,343 (3.0)	20.8	27.8	24.3	15.2	8.2	8.6	2.1	2.0	6.9	0.9	11.4	-11.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,300	2,311 (100)	24,466 (1.1)	14.1	12.2	10.0	8.4	9.4	11.1	1.0	0.9	4.5	-3.3	17.3	-17.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	29,700	17,791 (770)	440,032 (19.1)	55.0	15.3	13.5	0.0	11.6	12.0	-	-	6.8	-0.3	10.3	-10.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	51,800	8,578 (371)	90,491 (3.9)	72.2	11.1	-	-4.0	15.5	-	-	-	6.8	-1.7	11.0	-11.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	27,300	8,328 (360)	180,489 (7.8)	51.0	15.7	-	-19.0	14.6	-	-	-	6.6	-1.6	13.1	-13.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	24,600	5,130 (222)	156,515 (6.8)	27.1	-	-	36.7	11.2	-	-	-	7.0	1.2	18.0	-18.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,700	229,268 (9,922)	336,862 (14.6)	42.3	20.1	18.5	4.0	39.1	38.1	7.1	6.1	3.1	6.2	0.8	0.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	179,000	114,789 (4,968)	38,742 (1.7)	36.9	21.9	18.9	7.3	25.3	26.3	4.9	4.4	0.0	-4.2	-8.2	-8.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	88,900	104,429 (4,519)	222,054 (9.6)	16.9	39.5	25.9	-51.9	9.7	14.2	3.1	2.9	5.8	-3.1	0.0	0.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,200	12,416 (537)	144,690 (6.3)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	5.2	-6.7	23.0	-23.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,000	68,623 (2,970)	87,951 (3.8)	11.1	31.5	20.9	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.6	1.0	0.2	4.8	4.8
	GMD	GEMADEPT CORP	29,050	8,755 (379)	135,080 (5.9)	10.7	19.4	14.6	-57.3	7.5	9.5	1.4	1.3	4.9	-6.1	10.9	-10.9
	CII	HO CHI MINH CITY	21,650	5,171 (224)	61,592 (2.7)	39.7	10.7	7.2	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	4.8	-1.1	1.2	1.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,610	2,049 (089)	108,500 (4.7)	46.3	-	-	-89.3	-	-	-	-	-7.0	30.2	42.7	42.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,150	9,712 (420)	177,365 (7.7)	37.5	11.6	7.2	-13.3	12.4	17.5	-	-	5.2	-3.8	10.4	-10.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	71,000	5,274 (228)	102,172 (4.4)	3.5	9.8	9.8	-43.9	6.5	6.6	0.6	0.7	4.4	-6.3	-8.6	-8.6
	REE	REE	54,000	16,689 (722)	37,615 (1.6)	0.0	9.9	8.8	-4.5	14.0	13.7	1.3	1.2	0.9	4.0	10.3	10.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	80,000	153,116 (6,626)	94,392 (4.1)	46.1	18.9	15.7	-15.4	16.9	22.5	3.1	3.1	4.6	1.3	-7.6	-7.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,900	6,880 (298)	21,086 (0.9)	31.3	10.1	8.5	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	1.5	-1.2	-2.8	-2.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,800	8,272 (358)	14,478 (0.6)	34.0	9.9	9.9	-5.3	13.0	14.3	1.4	1.4	4.0	-4.8	5.5	5.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	42,000	139,158 (6,022)	1,017,537 (44.1)	17.9	9.5	8.5	25.2	22.2	21.5	2.1	1.6	3.7	4.2	1.3	1.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,950	6,242 (270)	53,382 (2.3)	36.2	9.7	11.0	0.2	8.9	7.5	0.7	0.7	5.6	-3.9	15.2	-15.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,600	6,670 (289)	53,529 (2.3)	46.0	15.5	14.6	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	6.8	-4.5	10.0	-10.0
	HSG	HOA SEN GROUP	23,900	10,619 (460)	227,926 (9.9)	37.6	9.2	8.3	67.9	16.2	14.8	1.4	1.2	4.6	1.9	7.9	7.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,300	2,949 (128)	52,343 (2.3)	97.0	8.0	8.5	41.5	12.5	10.6	0.9	0.8	6.4	-4.3	-7.6	-7.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,500	61,550 (2,664)	54,601 (2.4)	4.5	18.7	16.0	-49.7	15.3	16.4	2.4	2.4	1.6	-0.4	-7.5	-7.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	18,700	7,875 (341)	232,207 (10.1)	39.6	58.6	21.1	-11.9	0.9	2.8	0.6	0.6	6.9	2.5	15.4	15.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,400	5,308 (230)	115,570 (5.0)	35.4	10.0	9.3	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.8	6.5	-1.2	17.1	17.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	127,500	59,431 (2,572)	187,465 (8.1)	0.0	11.5	9.2	13.7	28.3	29.2	3.0	2.5	-0.4	-4.5	7.2	7.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,900	18,849 (816)	56,060 (2.4)	0.0	15.5	12.3	7.0	23.1	23.8	3.2	2.6	1.7	-0.7	2.3	2.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,100	1,254 (054)	3,365 (0.1)	70.7	12.3	9.4	-	8.5	10.2	1.0	0.9	3.6	-7.8	13.0	-13.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,850	2,042 (088)	62,273 (2.7)	30.7	18.3	12.2	-75.2	9.2	13.4	1.6	1.6	6.8	-9.0	19.2	-19.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,700	7,954 (344)	73,520 (3.2)	34.8	8.3	14.8	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	2.6	-6.4	-6.8	-6.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,800	13,179 (570)	2,269 (0.1)	45.4	17.3	16.7	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	2.8	-0.2	-3.1	-3.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,000	5,551 (240)	192 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	-1.3	-2.1	-3.3	-3.3
IT	FPT	FPT CORP	70,000	54,873 (2,375)	167,362 (7.3)	0.0	13.7	11.6	15.5	25.4	27.1	3.0	2.8	6.1	11.1	18.4	18.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.